|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**Số: /2015/TT-BTC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2015*  |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc**

**thành lập và quản lý quỹ mở**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

 *Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

 *Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,*

 *Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, như sau:*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở như sau:

1. Sửa đổi khoản 25 Điều 2 như sau:

“25. Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại điều lệ quỹ, công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quáthời điểm đóng của thị trường tại ngày gần nhất trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ mở có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải công bố bản thông báo chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều này và đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Phụ lục số 29 ban hành kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định liên quan của Bộ Tài chính về thành lập, hoạt động của công ty quản lý quỹ.”

4. Bổ sung điểm g khoản 4 Điều 15 như sau:

“g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán niêm yết hoặc chuẩn bị niêm yết mà quỹ đang nắm giữ.”

5. Sửa đổi điểm a và điểm c khoản 4 Điều 15 như sau:

“a) Ngoại trừ quỹ trái phiếu, quỹ mở không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này;

c) Ngoại trừ trái phiếu chính phủ, quỹ mở không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;”

6. Sửa đổi khoản 6 Điều 18 như sau:

“6. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo quy định tại phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư này.”

7. Sửa đổi khoản 8 Điều 18 như sau:

“8. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ giảm năm mươi phần trăm (50%) so với mệnh giá ban đầu, hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục, công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể quỹ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này.”

8. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 28 như sau:

“a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán hoặc kiểm toán.”

9. Bổ sung Phụ lục 01a sau phụ lục 01 của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Thay thế phụ lục 07, phụ lục 13, phụ lục 30 ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC bằng phụ lục tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2015;

 2. Các nội dung khác liên quan đến thành lập và quản lý quỹ mở không đề cập tại Thông tư này vẫn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

 3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:**** - Văn phòng Chính phủ;
* - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
* - Văn phòng Tổng bí thư;
* - Văn phòng Quốc hội;
* - Văn phòng Chủ tịch nước;
* - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
* - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
* - Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng TW;
* - Viện Kiểm sát NDTC, Toà án NDTC;
* - Kiểm toán Nhà nước;
* - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
* - Công báo;
* - Website Chính phủ;
* - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
* - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
* - Website BTC;
* - Lưu: VT, UBCK, 300.
 | KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG** **Trần Xuân Hà** |

**Phụ lục số 01a**

Mẫu giấy thông báo chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng

(*Ban hành kèm theo Thông tư số ......./2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở*)

THÔNG BÁO CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG

*... ngày....... tháng .....năm*

1. Công ty quản lý quỹ:

- Tên công ty (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: .... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...........

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: .... .........Fax:...

2. Ngân hàng giám sát:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ..... do NHNN cấp ngày...........

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: .... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...........

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: .... .........Fax:...

3. Chứng chỉ quỹ chào bán

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, têng tiếng Anh*):

- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán

- Số lượng chứng chỉ quỹ chào bán tối thiểu (nếu có):

- Mệnh giá:

- Giá chào bán:

- Số lượng/giá trị đăng ký mua tối thiểu (nếu có):

4. Hiệu lực đăng ký chào bán (90 ngày, kể từ ngày chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực):

Từ ngày.../......../........ tới ngày......./......./..........

5. Thời hạn nhận đăng ký mua/thanh toán: từ ngày ....../......./..... tới ngày ...../..../.......

(*tối thiểu 20 ngày và trong thời hạn giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực*)

6. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng chỉ quỹ (địa điểm phân phối):

7. Ngân hàng giám sát mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng chỉ quỹ

8. Hình thức thanh toán:

Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty quản lý quỹ

 *(ký,ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục số 13**

Nguyên tắc, phương pháp định giá

(*Ban hành kèm theo Thông tư số ......./2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở*)

­­­­

**A – Giá trị tài sản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
| **Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ** |
| 1. | Tiền (VND) | Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá |
| 2. | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá |
| 3. | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá |
| 4. | Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá  |
| **Trái phiếu** |  |
| 5. | Trái phiếu niêm yết | *- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;*- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 6. | Trái phiếu không niêm yết | - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận |
| **Cổ phiếu** |  |
| 7. | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh | *- Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;*- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:+ Giá trị sổ sách; hoặc+ Giá mua; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 8. | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | - *Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán)**của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;*- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:+ Giá trị sổ sách; hoặc+ Giá mua; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 9. | Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom  | - *Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;*- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:+ Giá trị sổ sách; hoặc+ Giá mua; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 10. | Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch | - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:*+ Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá*; hoặc+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;+ Giá trị sổ sách; hoặc+ Giá mua; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 11. | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | Là một trong các mức giá sau:+ Giá trị sổ sách; hoặc+ Mệnh giá; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 12. | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | Là một trong các mức giá sau:- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.  |
| 13. | Cổ phần, phần vốn góp khác | Là một trong các mức giá sau:+ Giá trị sổ sách; hoặc+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| **Chứng khoán phái sinh** |
| 14. | Chứng khoán phái sinh niêm yết | Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá |
| 15. | Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên | Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| **Các tài sản khác** |
| 16. | Các tài sản được phép đầu tư khác | Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |

**Ghi chú:**

 - Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;

 - Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

 - Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuteurs/Bloomberg/VNBF…) để tham khảo;

- Tại phần này của phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

 1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

 2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Loại chứng khoán | Giá trị cam kết |
| 1 | Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua) | Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[[1]](#footnote-2) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[[2]](#footnote-3) |
| 2 | Quyền chọn trái phiếu(mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua) | Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[[3]](#footnote-4) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta  |
| 3 | Hợp đồng tương lai chỉ số | Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại |
| 4 | Hợp đồng tương lai trái phiếu | Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao |
| 5 | Các hợp đồng khác | Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận |

 3. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ

**Phụ lục 7: Mẫu bản cung cấp thông tin**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số ......./2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

1. Họ và tên : Nam/ Nữ

 Bí danh ( nếu có ):

1. Ngày tháng năm sinh :
2. Nơi sinh :
3. Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):
4. Quốc tịch :
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :
6. Chỗ ở hiện tại:
7. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):
8. Điện thoại, fax, email:
9. Trình độ văn hoá:
10. Trình độ chuyên môn:
11. :

 Công chức Nhà nước  Viên chức Nhà nước  Khác

1. Thái độ chính trị:

 Đảng viên  Chưa Đảng viên

1. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời gian | Nơi đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Khen thưởng | Kỷ luật |
|  |  |  |  |  |

1. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ/Vị trí công tác/Trách nhiệm | Kết quả công tác | Khen thưởng | Kỷ luật |
|  |  |  |  |  |  |

1. Chức vụ dự kiến tại bộ phận phân phối chứng chỉ quỹ/Ban Đại diện quỹ:
2. Nơi làm việc và chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác (*nêu chi tiết, kể cả trường hợp có hợp đồng lao động bán thời gian*):
3. Nhân thân người khai (Quan hệ vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên | Năm sinh | Số chứng mình nhân dân | Địa chỉ thường trú | Nghề nghiệp | Chức vụ |
| Vợ/chồng: |  |  |  |  |  |
| Bố: |  |  |  |  |  |
| Mẹ |  |  |  |  |  |
| Con |  |  |  |  |  |
| Anh/chị/em ruột: |  |  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chứng thực chữ ký người khai** | **Người khai***( Ký, ghi rõ họ tên )* |

**Phụ lục 30**

**Mẫu Báo cáo của Ngân hàng giám sát**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số ......./2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....,ngày... tháng... năm ...*

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

Kính gửi:Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng giám sát:...............................................

Địa chỉ:

Giấy phép hoạt động số: do….. cấp ngày……

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do UBCKNN cấp ngày…..

1. Những vi phạm quy định pháp luật của công ty quản lý quỹ
2. *Các vi phạm của công ty quản lý quỹ trong phạm vi giám sát của ngân hàng:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Công ty quản lý quỹ | Giấy phép hoạt động số | Hình thức vi phạm | Số lượng quỹ bị ảnh hưởng |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

1. Công ty quản lý quỹ định giá sai chứng chỉ quỹ mở

2.1 Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên quỹ và Công ty quản lý quỹ | Mức sai lệch | Số lượng nhà đầu tư bị ảnh hưởng | Thời gian quỹ bị định giá sai\* | Giá trị khoản đền bù | Tình trạng khắc phục (hoàn tất/chưa hoàn tất) |
| Đền bù cho quỹ | Đền bù cho nhà đầu tư |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

*\* Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở*

2.2 Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên quỹ và Công ty quản lý quỹ | Mức sai lệch | Số lượng nhà đầu tư bị ảnh hưởng | Thời gian quỹ bị định giá sai\* | Tình trạng khắc phục (hoàn tất/chưa hoàn tất) |
|
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

3. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán, Điều 17, 18, 19 Thông tư Thành lập và Quản lý Quỹ mở)

Tên công ty:

Số lần vi phạm:

Số quỹ bị ảnh hưởng:

Số quỹ đang quản lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại hình vi phạm | Tên quỹ bị ảnh hưởng | Biện pháp xử lý |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

4. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ

Tên công ty:

Số lần vi phạm:

Số quỹ bị ảnh hưởng:

Số quỹ đang quản lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại hình vi phạm | Tên quỹ bị ảnh hưởng | Biện pháp xử lý |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

6. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát phát hiện

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Công ty quản lý quỹ | Loại vi phạm | Số quỹ bị tác động bởi vi phạm | Biện pháp xử lý |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

II. Vi phạm của Ngân hàng giám sát

1. Vi phạm quy định của Luật chứng khoán

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vi phạm | Loại hình vi phạm | Biện pháp xử lý |
| Điều 98 |  |  |
| Điều 99 |  |  |
| …. |  |  |
| …. |  |  |

2**.** Vi phạm các quy định tại Thông tư thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vi phạm | Loại hình vi phạm | Biện pháp xử lý |
| Điều 27 |  |  |
| Điều 28 |  |  |
| …. |  |  |

3 Vi phạm các quy định trong Hợp đồng giám sát

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hợp đồng Giám sát số | Số vi phạm | Loại vi phạm | Số quỹ bị tác động bởi vi phạm |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

4 Báo cáo về các lỗi phát hiện trong khi đối soát chứng từ, tài sản giữa công ty quản lý quỹ và Ngân hang Giám sát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày phát hiện lỗi | Tên quỹ | Loại lỗi |
|  |  |  |
|  |  |  |

5 Những vi phạm giám sát khác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số vi phạm | Loại vi phạm | Số quỹ bị tác động bởi vi phạm |
|  |  |  |
|  |  |  |

1. **Đánh giá cụ thể về hoạt động quản lý quỹ của từng công ty quản lý quỹ**

- Đánh giá toàn bộ hoạt động quản lý quỹ;

- Đánh giá hoạt động xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;

- Việc phát hành chứng chỉ quỹ, huy động vốn cho Quỹ;

- Các hoạt động khác.

1. **Kiến nghị (nếu có)**

Chúng tôi cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật rằng những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

1. Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium). [↑](#footnote-ref-2)
2. Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận [↑](#footnote-ref-3)
3. Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium). [↑](#footnote-ref-4)